

THỐNG KÊ XẾP LOẠI HỌC LỰC - HẠNH KIỂM
NĂM HỌC: 2019-2020

STT	Lớp	GV chủ nhiệm	Tổng số HS (*)	Học Lực														Hạnh Kiểm											
				Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém		TB trở lên		Chưa đánh giá		Tốt		Khá		TB		Yếu		TB trở lên		Chưa đánh giá	
Toàn trường			311	67	21.54	137	44.05	103	33.12	4	1.29	0	0	307	98.71	0	0	280	90.03	31	9.97	0	0	0	0	311	100	0	0
1	Khối 6		89	17	19.1	34	38.2	35	39.33	3	3.37	0	0	86	96.63	0	0	77	86.52	12	13.48	0	0	0	0	89	100	0	0
1.1	6A1	Ngô Thị Thanh Thủy	44	8	18.18	19	43.18	15	34.09	2	4.55	0	0	42	95.45	0	0	37	84.09	7	15.91	0	0	0	0	44	100	0	0
1.2	6A2	Nguyễn Thị Thu Hà	45	9	20	15	33.33	20	44.44	1	2.22	0	0	44	97.78	0	0	40	88.89	5	11.11	0	0	0	0	45	100	0	0
2	Khối 7		87	21	24.14	46	52.87	19	21.84	1	1.15	0	0	86	98.85	0	0	81	93.1	6	6.9	0	0	0	0	87	100	0	0
2.1	7B1	Nguyễn Thị Tuyết Mai	43	9	20.93	22	51.16	12	27.91	0	0	0	0	43	100	0	0	38	88.37	5	11.63	0	0	0	0	43	100	0	0
2.2	7B2	Phạm Thị Tuyết Ngọc	44	12	27.27	24	54.55	7	15.91	1	2.27	0	0	43	97.73	0	0	43	97.73	1	2.27	0	0	0	0	44	100	0	0
3	Khối 8		76	18	23.68	35	46.05	23	30.26	0	0	0	0	76	100	0	0	71	93.42	5	6.58	0	0	0	0	76	100	0	0
3.1	8C1	Nguyễn Thị Hiền	37	8	21.62	15	40.54	14	37.84	0	0	0	0	37	100	0	0	35	94.59	2	5.41	0	0	0	0	37	100	0	0
3.2	8C2	Nguyễn Thị Hồng	39	10	25.64	20	51.28	9	23.08	0	0	0	0	39	100	0	0	36	92.31	3	7.69	0	0	0	0	39	100	0	0
4	Khối 9		59	11	18.64	22	37.29	26	44.07	0	0	0	0	59	100	0	0	51	86.44	8	13.56	0	0	0	0	59	100	0	0
4.1	9D1	Nguyễn Thị Thành	31	7	22.58	13	41.94	11	35.48	0	0	0	0	31	100	0	0	28	90.32	3	9.68	0	0	0	0	31	100	0	0
4.2	9D2	Nguyễn Thị Lan	28	4	14.29	9	32.14	15	53.57	0	0	0	0	28	100	0	0	23	82.14	5	17.86	0	0	0	0	28	100	0	0

(*): Tổng số học sinh không bao gồm các học sinh miễn giảm toàn phần